

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **3294/QĐ-BTNMT**

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt dự án Đầu tư Khu liên cơ quan
quản lý nhà nước trực thuộc Bộ

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 36/2017/NĐ-CP ngày 4 tháng 4 năm 2017 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường, số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng và số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015, số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường: Số 1915/QĐ-BTNMT ngày 08 tháng 8 năm 2017 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, số 2284/QĐ-BTNMT ngày 25 tháng 9 năm 2017 về việc giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 (đợt 2), số 2663/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 8 năm 2018 về việc phê duyệt kinh phí chuẩn bị đầu tư dự án và số 2761/QĐ-BTNMT ngày 07 tháng 9 năm 2018 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn phương án kiến trúc dự án Đầu tư Khu liên cơ quan quản lý nhà nước trực thuộc Bộ;

Căn cứ Công văn số 653/HĐXD-QLDA ngày 29 tháng 10 năm 2018 của Cục Quản lý hoạt động xây dựng – Bộ Xây dựng về việc thông báo kết quả thẩm định dự án “Đầu tư Khu liên cơ quan quản lý nhà nước trực thuộc Bộ”;

Xét đề nghị của Văn phòng Bộ tại Tờ trình số 600/TTr-VP ngày 29 tháng 10 năm 2018 về việc phê duyệt dự án Đầu tư Khu liên cơ quan quản lý nhà nước trực thuộc Bộ, kèm theo hồ sơ liên quan;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Đầu tư Khu liên cơ quan quản lý nhà nước trực thuộc Bộ, với nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Đầu tư Khu liên cơ quan quản lý nhà nước trực thuộc Bộ.

2. Chủ đầu tư: Văn phòng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
3. Tổ chức tư vấn lập dự án và thiết kế cơ sở: Công ty TNHH một thành viên tư vấn thiết kế và đầu tư xây dựng - Bộ Quốc phòng.
4. Chủ nhiệm lập dự án: Ông Ngô Bá Tuấn Anh – kiến trúc sư.
5. Mục tiêu đầu tư: Đưa các đơn vị quản lý nhà nước thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường về tập trung tại một địa điểm đảm bảo quản lý nhà nước có hiệu quả; nhằm thực hiện chủ trương về sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại thành phố Hà Nội.
6. Nội dung và quy mô đầu tư:
 - 6.1. Về xây dựng:
 - Xây mới tòa nhà trụ sở làm việc đáp ứng cho nhu cầu làm việc khoảng 500 cán bộ, công chức làm việc.
 - Xây dựng các công trình phụ trợ đồng bộ, gồm: sân, cổng tường rào, nhà bảo vệ; hệ thống cấp điện, cấp, thoát nước, cây xanh...
 - 6.2. Về trang thiết bị:
 - Thiết bị, công nghệ: Đầu tư hệ thống thang máy; hệ thống báo cháy, chữa cháy tự động; hệ thống điều hòa, thông gió; trạm biến áp, máy phát điện dự phòng; hệ thống cấp, thoát nước; hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin; hệ thống kiểm soát an ninh, an toàn tòa nhà; hệ thống chống sét...
7. Địa điểm đầu tư, xây dựng: Khu đất phía sau Trụ sở Bộ Tài nguyên và Môi trường số 10 Tôn Thất Thuyết, Hà Nội (thuộc khu đất D24 Khu đô thị mới Cầu Giấy, nay là phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm).
8. Diện tích sử dụng đất mở rộng: 5.394,6 m², mật độ xây dựng toàn khu cơ quan Bộ 34,16% (bao gồm diện tích đất hiện hữu và mở rộng: 19.273,6 m²).
9. Phương án xây dựng (thiết kế cơ sở): Theo Công văn số 653/HĐXD-QLDA ngày 29 tháng 10 năm 2018 của Cục Quản lý hoạt động xây dựng – Bộ Xây dựng.
 - Khối nhà chính:
 - + Xây dựng tòa nhà cao 09 tầng, 02 tầng hầm và tum thang; tổng diện tích sàn khoảng 12.570 m²; chiều cao công trình (tính từ cốt sân đến đỉnh sàn mái) là 39,5 m. Công trình bố trí 06 thang máy và 04 thang bộ thoát hiểm, kết hợp có sự cố.
 - + Kết cấu: Móng cọc khoan nhồi bê tông cốt thép, kết cấu chịu lực phân thân hệ khung, vách, sàn, mái bê tông cốt thép toàn khối đổ tại chỗ.
 - + Hệ thống kỹ thuật kèm theo công trình.
 - Công trình phụ trợ:
 - + Xây dựng sân, đường bê tông nhựa, kết hợp lát gạch; cổng, tường rào gạch, kết hợp hoa sắt; hệ thống thoát nước ống cống bê tông cốt thép kết hợp xây gạch; hệ thống điện chiếu sáng ngoài nhà; bể nước sinh hoạt và phòng chống cháy nổ kết cấu bê tông cốt thép.
 - + Xây dựng nhà phụ: 02 nhà bảo vệ 01 tầng, diện tích 31 m².

+ Hệ thống điện: Nguồn cấp điện trung thế 22 KV của khu vực, cấp vào máy biến áp.

10. Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp II.

11. Thiết bị, công nghệ:

- Thang máy: Thang máy 11 điểm dừng, gồm 02 thang tải trọng 1.050 kg và 04 thang tải trọng 750 kg.

- Phòng chống cháy nổ: Hệ thống báo cháy tự động; đèn sự cố, đèn thoát hiểm, bình bọt chữa cháy và phụ kiện đi kèm.

- Hệ thống điện: Máy biến áp công suất 1.000 KVA; máy phát điện dự phòng công suất 550 KVA theo chế độ tự khởi động.

- Mạng máy tính, mạng LAN tốc độ tiêu chuẩn được thiết kế đồng bộ.

- Hệ thống Camera quan sát, gồm các thiết bị kèm theo; hệ thống xử lý tín hiệu và hệ thống ghi hình kỹ thuật số.

- Điều hòa, thông gió: Sử dụng hệ thống điều hòa trung tâm; một số phòng kết hợp quạt trần, quạt thông gió. Khu vệ sinh và phòng kỹ thuật lắp đặt các quạt hút gió

- Hệ thống chống sét công trình.

- Trang thiết bị nội thất tòa nhà đồng bộ.

12. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư: Dự án giải phóng mặt bằng theo quy định.

13. Tổng mức đầu tư: **282.493.253.000 đồng** (*Bằng chữ: Hai trăm tám mươi hai tỷ, bốn trăm chín mươi ba triệu, hai trăm năm mươi ba nghìn đồng*).

Trong đó:

- Chi phí bồi thường GPMB	:	15.000.000.000	đồng
- Chi phí xây dựng	:	172.505.684.000	đồng
- Chi phí thiết bị	:	39.777.900.000	đồng
- Chi phí quản lý dự án	:	3.193.656.000	đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	:	9.470.543.000	đồng
- Chi phí khác	:	9.170.991.000	đồng
- Chi phí dự phòng	:	33.374.479.000	đồng

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

14. Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước và vốn bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

15. Hình thức quản lý dự án: Giao chủ đầu tư ký hợp đồng thuê Ban Quản lý dự án xây dựng chuyên ngành, khu vực theo quy định.

16. Thời gian thực hiện: Năm 2019 – 2022.

Điều 2. Chủ đầu tư khi triển khai các bước tiếp theo cần tuân thủ theo nội dung tại Công văn số 653/HĐXD-QLDA ngày 29 tháng 10 năm 2018 của Cục Quản lý hoạt động xây dựng – Bộ Xây dựng và văn bản của các cơ quan liên

quan khác; có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Các Bộ: KH&ĐT, TC, XD;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để b/c);
- Văn phòng Bộ (4 bản);
- Lưu: VT, KHTC. Tr12.

h

[Signature]

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Trần Quý Kiên

PHỤ LỤC 1: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

(Kèm theo Quyết định số: **3294** /QĐ-BTNMT ngày **30** tháng 10 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Số thứ tự	Khoản mục chi phí	Giá trị
I	CHI PHÍ BỒI THƯỜNG GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG	15.000.000
II	CHI PHÍ XÂY DỰNG	172.505.684
1	Xây dựng khu mới	167.964.134
1.1	Khôi nhà làm việc	167.041.580
1.2	Công	500.000
1.3	Hàng rào	422.554
2	Hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà	4.541.550
2.1	San nền	409.035
2.2	Sân, đường nội bộ	2.041.015
2.3	Cây xanh, thảm cỏ	491.500
2.4	Hệ thống cấp điện mạng ngoài; Đường dây trung thế, hạ thế	400.000
2.5	Hệ thống chiếu sáng ngoài nhà	200.000
2.6	Hệ thống cấp thoát nước mạng ngoài	400.000
2.7	Cảnh quan (bao gồm tiểu cảnh và đài phun nước)	600.000
III	CHI PHÍ THIẾT BỊ	39.777.900
1	Khôi nhà làm việc	18.477.900
2	HT cấp thoát nước ngoài nhà (TB khu xử lý nước thải, trạm bơm...)	800.000
3	Thiết bị đài phun nước	500.000
4	Trang thiết bị nội thất tòa nhà; Hệ thống kiểm soát an ninh, an toàn tòa nhà ...	20.000.000
IV	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	3.193.656
V	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	9.470.543
1	Khảo sát địa hình	38.500
2	Khảo sát địa chất	500.000
3	Lập dự án	924.182
4	Thiết kế bản vẽ thi công - dự toán	3.872.753
5	Thẩm tra thiết kế xây dựng	212.182
6	Thẩm tra dự toán	207.007
7	Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu tư vấn	39.892
8	Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu nhà thầu thi công xây dựng	170.781
9	Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu nhà thầu mua sắm vật tư, lắp đặt thiết bị	69.222
10	Giám sát thi công xây dựng	2.889.470
11	Giám sát lắp đặt thiết bị	146.554
12	Tư vấn khác	400.000
VI	CHI PHÍ KHÁC	9.170.991
1	Hạng mục chung	6.037.698
	- Chi phí xây dựng nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công	1.725.056
	- Chi phí một số công tác không xác định được khối lượng từ thiết kế	4.312.642

Số thứ tự	Khoản mục chi phí	Giá trị
2	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng	18.529
3	Phí thẩm định thiết kế	34.658
4	Phí thẩm định dự toán	33.403
5	Phí thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy	8.356
6	Thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng	50.000
7	Thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu lắp đặt thiết bị	9.889
8	Thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị	1.518
9	Bảo hiểm công trình	480.709
10	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	604.819
11	Kiểm toán	1.011.412
12	Chống mối nhà làm việc	300.000
13	Rà phá bom mìn, vật nổ	180.000
14	Chi phí khác chưa tính hết	400.000
VII	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	33.374.479
1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	21.410.812
2	Dự phòng cho yếu tố trượt giá	11.963.667
VIII	TỔNG CỘNG	282.493.253